

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2024/HS-ST
Ngày: 23/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT – TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Đó

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Lam

Bà Nguyễn Thị Thắm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hà Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử trực tuyến sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST-HS ngày 09/5/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thanh L**; Giới tính: Nam

Sinh năm 1988, tại tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật.

Căn cước công dân số: 075088010094; cấp ngày 19/10/2023; Nơi cấp: Cục C2 về TTXH.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 6/12

Nơi đăng ký HKTT: Tổ A, khu phố B, phường P, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện tại: Tổ C, khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Họ tên cha: Nguyễn Văn L1, sinh năm: 1953

Họ tên mẹ: Trần Thị L2, sinh năm: 1957

Họ tên vợ: Trần Dương Phi Y, sinh năm: 1990 (sống chung như vợ chồng, không đăng ký kết hôn).

Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án: Ngày 19/11/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/04/2013; Về án phí HSST, DSST và khoản yêu cầu bồi thường Nguyễn Thanh L chưa thực hiện.

Ngày 22/12/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xử phạt 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”, chấp hành xong hình phạt ngày 10/04/2022; Về án phí HSST chấp hành xong ngày 20/06/2022.

Tiền sự: Ngày 18/08/2021 bị Công an thành phố L, tỉnh Đồng Nai xử phạt 3.000.000 đồng về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09/QĐ-XPHC, Nguyễn Thanh L chưa đóng phạt.

Ngày 16/09/2022 bị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định số 49/2022/QĐ.TA, chấp hành xong ngày 14/10/2023 tại cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai.

Nhân thân:

Ngày 28/01/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 30/05/2016; Về án phí HSST chấp hành xong ngày 16/09/2016.

Ngày 24/12/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định số 86/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 03/02/2021 tại cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai.

Ngày 24/12/2019 bị Công an phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai xử phạt 200.000 đồng về hành vi gây rối trật tự khu dân cư theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2A/QĐ-XPHC, đóng phạt ngày 02/07/2021.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện T từ ngày 02/02/2024 đến nay. (Có mặt)

- *Bị hại:* Anh **Nguyễn Xuân B**; sinh năm 1977 và chị **Trần Thị T**; sinh năm 1979; Cùng địa chỉ: Ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc T1**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

3. *Người tham gia tố tụng khác:* Ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Ngọc N, ông Nguyễn Anh Đ, ông Cao Quảng C1 - Điềm cầu nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/12/2023, do không có tiền tiêu sài và mua ma túy sử dụng, Nguyễn Thanh L đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, L đến cầu D thuộc thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai, đi vào trong vườn tràm gần đó ẩn nấp. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, khi phát hiện xe ô tô tải biển kiểm soát 60L - 020.70 do anh Nguyễn Xuân B, sinh năm 1977, trú tại ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai điều khiển, dừng bên lề đường, không có người trông coi. L đã lén lút đi đến mở cửa xe, lấy trộm 01 bóp màu

đen, (bên trong có 3.000.000 đồng, 01 Căn cước công dân, 01 thẻ công nhân, 01 giấy phép lái xe mô tô và 01 giấy phép lái xe ô tô mang tên Nguyễn Xuân B; 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị T, vợ anh B); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 và 01 điện thoại Iphone 11 Promax. Sau đó, Nguyễn Thanh L lấy số tiền 3.000.000 đồng trong bóp, cùng 02 điện thoại di động trộm được đến tiệm điện thoại di động ở đường T, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai do chị Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1985, trú tại khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai làm chủ, bán với giá 2.000.000 đồng, lấy tiền tiêu và mua ma túy sử dụng hết, (riêng bóp và giấy tờ còn lại L vứt lại trong vườn trà). Ngày 02/02/2024, biết hành vi của mình đã bại lộ, Nguyễn Thành L3 đến Cơ quan Công an đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 166/KL-HĐĐGTS ngày 06/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện T, kết luận về giá của Hội đồng: 01 đi động hiệu Iphone 7, đã qua sử dụng, trị giá 1.900.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 11 Promax, đã qua sử dụng, trị giá 9.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: 01 đi động hiệu Iphone 7, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone 11 Promax, đã qua sử dụng Nguyễn Thanh L đã bán cho chị Nguyễn Thị Ngọc T1, chị T1 đã tháo các linh kiện ra để bán nên không thu hồi lại được.

- 01 bóp màu đen, 01 Căn cước công dân, 01 thẻ công nhân, 01 giấy phép lái xe mô tô và 01 giấy phép lái xe ô tô mang tên Nguyễn Xuân B; 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị T, Nguyễn Thành L3 đã vứt lại ở vườn trà. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã truy tìm, nhưng đến nay chưa tìm thấy.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Xuân B yêu cầu bồi thường số tiền 13.000.000 đồng đối với tài sản bị chiếm đoạt. Đối với các giấy tờ bị mất, chị Trần Thị T và anh Nguyễn Xuân B đã liên hệ cơ quan chức năng để làm lại, nên không có yêu cầu.

Tại Cáo trạng số: 56/CT.VKS-HS ngày 23/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố Nguyễn Thanh L về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh L phải bồi thường cho bị hại số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng)

* Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo L biết việc làm của mình vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố

đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh L khai nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với quá trình điều tra, phù hợp với hành vi bị truy tố tại cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án thể hiện.

Vào khoảng 14h00 ngày 25/12/2023, tại cầu D thuộc T, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Thanh L đã đột nhập vào cabin xe ô tô tải biển kiểm soát 60L - 020.70 của anh Nguyễn Xuân B lấy trộm 01 bóp màu đen, bên trong có 3.000.000 đồng, 01 Căn cước công dân, 01 thẻ công nhân, 01 giấy phép lái xe mô tô; 01 giấy phép lái xe ô tô mang tên Nguyễn Xuân B và 01 giấy đăng ký xe mang tên Trần Thị T (vợ anh B), 01 đi động hiệu Iphone 7 đã qua sử dụng, trị giá 1.900.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 11 Promax, đã qua sử dụng, trị giá 9.000.000 đồng.

Hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Tổng giá trị tài sản bị cáo L chiếm đoạt là 13.900.000đ (01 đi động hiệu Iphone 7 đã qua sử dụng, trị giá 1.900.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 11 Promax, đã qua sử dụng, trị giá 9.000.000 đồng và 3.000.000đ tiền mặt), nhưng trước đó bị cáo đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/4/2013 (chưa nộp án phí HSST và DSST) và bị Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xử phạt 09 tháng tù về tội “Chống người thi thành công vụ” chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/4/2022. chưa được xóa án tích tiếp tục phạm tội, đây là tình tiết định khung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, lẽ ra bị cáo phải tu chí làm ăn, sửa đổi bản thân trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội, tuy nhiên do lười lao động, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác, bị cáo chưa được xóa án tích tiếp tục tái phạm. Vì vậy cần có mức án nghiêm, tương xứng với hành vi vi phạm của bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo chấp hành nghiêm pháp luật và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.
- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo ra đầu thú, được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên cần xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Đối với hành vi tiêu thụ tài sản trộm cắp của chị Nguyễn Thị Ngọc T1, qua điều tra xác định chị T1 không biết tài sản trên do Nguyễn Thanh L phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự.

Về vật chứng vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7; 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Promax đều đã qua sử dụng Nguyễn Thanh L đã bán cho chị Nguyễn Thị Ngọc T1, chị T1 đã tháo các linh kiện ra để bán nên không thu hồi lại được.

- 01 bóp màu đen, 01 Căn cước công dân, 01 thẻ công nhân, 01 giấy phép lái xe mô tô và 01 giấy phép lái xe ô tô mang tên Nguyễn Xuân B; 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị T, Nguyễn Thành L3 đã vứt lại ở vườn trà. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã truy tìm, nhưng đến nay chưa tìm thấy.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 13.900.000đ (Mười ba triệu chín trăm nghìn đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 nên hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản số tiền 13.900.000đ cho anh B và chị T.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Nguyễn Thanh L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 695.000đ (Sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thanh L** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thanh L 03 (ba)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/02/2024.

3. Biện pháp tư pháp:

- Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Xử buộc bị cáo Nguyễn Thanh L phải bồi thường thiệt hại tài sản cho anh Nguyễn Xuân B, chị Trần Thị T số tiền 13.900.000đ (Mười ba triệu chín trăm nghìn đồng).

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Nguyễn Thanh L phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 695.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật bị hại có đơn yêu cầu thi hành án bị cáo L không trả cho bị hại số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm lãi chậm trả với lãi suất theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND H. Thống Nhất;
- Cơ quan CSĐT CA H. Thống Nhất;
- Cơ quan THA HS H. Thống Nhất
- Nhà tạm giữ CA H. Thống Nhất;
- Thi hành án DS H. Thống Nhất;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Kim Đó